

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 32

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103008732 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007, sau đó được điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("Giấy CNĐKDN") số 0302095576 vào ngày 30 tháng 11 năm 2010, và lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 vào ngày 1 tháng 3 năm 2026.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là thu phí sử dụng đường bộ theo hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao ("B.O.T"), thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng giao thông.

Cổ phiếu của Công ty, với mã HTI, được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 12 năm 2010.

Công ty có trụ sở chính tại 560A Đường Lê Đức Anh, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên
Ông Đỗ Chí Linh	Thành viên
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng ban	
Bà Lê Thủy Trang	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên	bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2026
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2026

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Quốc Đạt	Giám đốc
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc
Ông Khương Quốc Bình	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Quốc Đạt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

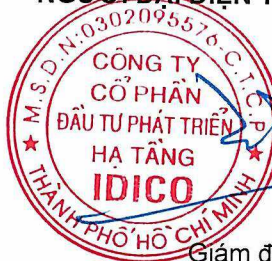
CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:

Phê duyệt, ngày 13 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Giám đốc
Lê Quốc Đạt



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13689360/69475731-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO ("Công ty") được lập ngày 13 tháng 8 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 13 tháng 8 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2024-004-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		590.422.341.449	569.958.363.195
I. Tiền	110	4	4.828.607.711	2.173.193.237
1. Tiền	111		4.828.607.711	2.173.193.237
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	539.901.445.337	528.460.857.263
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		539.901.445.337	528.460.857.263
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.546.799.155	39.229.426.823
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.1	32.847.219.755	38.581.061.218
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.2	13.154.200.759	1.247.843.860
3. Phải thu ngắn hạn khác	135		968.614.910	823.758.014
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	6.1, 6.3	(1.423.236.269)	(1.423.236.269)
IV. Hàng tồn kho	140		145.489.246	94.885.872
1. Hàng tồn kho	141		145.489.246	94.885.872
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.014.675.347.454	1.062.433.493.304
I. Tài sản cố định	220		936.749.282.508	989.497.055.008
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	936.749.282.508	989.497.055.008
Nguyên giá	222		2.579.231.432.649	2.577.933.432.649
Giá trị khấu hao lũy kế	223		(1.642.482.150.141)	(1.588.436.377.641)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		915.724.800	915.724.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(915.724.800)	(915.724.800)
II. Tài sản dở dang dài hạn	250		129.629.630	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		129.629.630	-
III. Tài sản dài hạn khác	270		77.796.435.316	72.936.438.296
1. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	20.3	77.796.435.316	72.936.438.296
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		1.605.097.688.903	1.632.391.856.499

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		966.462.835.259	1.005.982.970.442
I. Nợ ngắn hạn	310		142.662.902.014	174.243.022.295
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	8	3.447.530.601	12.976.876.565
2. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		1.567.530.470	1.103.991.270
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	9	24.438.304.025	49.356.533.480
4. Phải trả người lao động	315		1.703.336.461	1.667.163.140
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	10	22.875.713.821	731.267.606
6. Phải trả ngắn hạn khác	320		1.137.168.833	1.648.207.786
7. Vay ngắn hạn	321	11	84.480.000.000	104.480.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	13	3.013.317.803	2.278.982.448
II. Nợ dài hạn	330		823.799.933.245	831.739.948.147
1. Vay dài hạn	339	11	362.100.216.383	394.340.216.383
2. Dự phòng phải trả dài hạn	343	12	461.699.716.862	437.399.731.764
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	14.1	638.634.853.644	626.408.886.057
1. Vốn cổ phần	411		249.492.000.000	249.492.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249.492.000.000	249.492.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		164.586.458.199	164.586.458.199
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		224.556.395.445	212.330.427.858
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		160.380.027.858	42.902.366.409
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		64.176.367.587	169.428.061.449
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.605.097.688.903	1.632.391.856.499

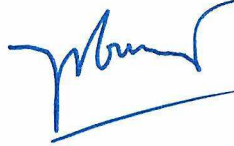
Phê duyệt, ngày 13 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Loan

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Trường Vũ



NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Lê Quốc Đạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	15.1	243.561.738.045	243.076.778.861
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10	15.1	243.561.738.045	243.076.778.861
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	16	137.873.657.753	135.282.729.906
5. Lợi nhuận gộp cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		105.688.080.292	107.794.048.955
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	15.2	19.423.569.578	11.076.731.111
7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí đi vay	23 24	17	22.708.262.273 22.708.262.273	25.662.654.784 25.662.654.784
8. Chi phí bán hàng	25	18	19.977.414.902	18.308.002.375
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	2.169.953.911	2.244.165.252
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		80.256.018.784	72.655.957.655
11. Thu nhập khác	31		91.691.100	47.535.438.785
12. Chi phí khác	32		400	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		91.690.700	47.535.438.785
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		80.347.709.484	120.191.396.440
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20.1	21.031.338.917	29.014.676.307
16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52	20.3	4.859.997.020	4.859.997.020
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 + 52)	60		64.176.367.587	96.036.717.153
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	14.5	2.520	3.803
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	14.5	2.520	3.803

Phê duyệt, ngày 13 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Loan

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Trường Vũ



NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Lê Quốc Đạt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	01		80.347.709.484	120.191.396.440
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao và hao mòn	02	7	54.045.772.500	51.186.197.015
- Dự phòng	03		24.299.985.098	24.299.985.098
- Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(19.415.965.831)	(58.434.595.030)
- Chi phí đi vay	06	17	22.708.262.273	25.662.654.784
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		161.985.763.524	162.905.638.307
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.317.372.332)	1.537.929.437
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(50.603.374)	(1.365.857.107)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		18.865.508.371	(697.550.962)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(22.858.797.489)	(25.838.629.841)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	9	(48.845.402.218)	(7.142.046.384)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	13	(1.317.664.645)	(1.706.222.214)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		101.461.431.837	127.693.261.236
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21		(5.106.534.320)	(405.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản dài hạn khác	22		-	65.163.187.912
3. Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23		(291.000.000.000)	(189.000.000.000)
4. Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		282.739.037.811	70.694.397.258
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27		16.236.339.946	8.412.523.589
Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư	30		2.868.843.437	(45.134.891.241)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	11	(52.240.000.000)	(36.120.000.000)
2. Cổ tức đã trả	36		(49.434.860.800)	(44.603.066.220)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	40		(101.674.860.800)	(80.723.066.220)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.655.414.474	1.835.303.775
Tiền đầu kỳ	60		2.173.193.237	1.877.918.437
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	4.828.607.711	3.713.222.212

Phê duyệt, ngày 13 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Loan

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Trường Vũ

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT



Lê Quốc Đạt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103008732 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007, sau đó được điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("Giấy CNĐKDN") số 0302095576 vào ngày 30 tháng 11 năm 2010, và lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 9 vào ngày 1 tháng 3 năm 2026.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là thu phí sử dụng đường bộ theo hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao ("B.O.T"), thi công xây lắp công trình dân dụng, giao thông và đầu tư các dự án hạ tầng giao thông.

Cổ phiếu của Công ty, với mã HTI, được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 12 năm 2010.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 560A Đường Lê Đức Anh, Phường Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 169 người (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 169 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") tuân thủ và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán phát sinh từ việc áp dụng lần đầu Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99, như được trình bày tại Thuyết minh số 22.

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty xác định số lượng và tính giá trị hàng xuất kho trên cơ sở số lượng và giá trị hàng tồn kho cuối kỳ và hạch toán hàng xuất kho trong kỳ với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ | - | chi phí mua theo phương pháp tính theo giá bình quân gia quyền |
| Chi phí các công trình dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự tính trước phần giá trị bị giảm xuống (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác bị giảm giá. Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán mà Công ty đánh giá có rủi ro liên quan đến khả năng thu hồi, mức trích lập dự phòng như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích lập dự phòng</u> <u>(% giá trị khoản phải thu)</u>
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70
Từ 3 năm trở lên	100

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình bao gồm những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và các tài sản sinh học là cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ và súc vật làm việc.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản đó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc – B.O.T	(*)
Nhà cửa và vật kiến trúc - Khác	4 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 8 năm
Phần mềm máy tính	5 - 7 năm

(*) Đối với tài sản cố định hình thành từ Dự án B.O.T An Suối - An Lạc (bao gồm các hạng mục bổ sung của Dự án) được khấu hao theo phương pháp phân bổ chi phí khấu hao tương ứng với doanh thu thực tế hàng năm và doanh thu được ước tính kể từ khi công trình, hạng mục công trình được đưa vào thu phí tới hết thời gian thu phí theo quy định trong Phụ lục Hợp đồng B.O.T.

TSCĐ hữu hình được bắt đầu trích khấu hao ngay khi tài sản bắt đầu có khả năng sử dụng hữu ích. TSCĐ vô hình được bắt đầu trích khấu hao từ khi đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Chi phí sửa chữa công trình BOT

Trong thời gian vận hành Dự án B.O.T An Suối - An Lạc, Công ty có nghĩa vụ thực hiện công tác sửa chữa và đảm bảo công trình được bàn giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong tình trạng đáp ứng các điều kiện vận hành theo quy định khi kết thúc thời hạn nhượng quyền theo Hợp đồng BOT và các quy định pháp luật liên quan. Ban Giám đốc ghi nhận dự phòng cho chi phí sửa chữa, bảo dưỡng trên cơ sở ước tính tốt nhất của Ban Giám đốc về các khoản chi phí không thể tránh khỏi để thực hiện nghĩa vụ này. Dự phòng chi phí sửa chữa công trình BOT được ghi nhận vào chi phí tương ứng trong kỳ theo phương pháp đường thẳng.

3.11 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng quản trị của Công ty và được phân loại như một khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức trả bằng tiền sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ được khách hàng xác nhận. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng xây dựng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng xây dựng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng xây dựng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

3.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là thu phí sử dụng đường bộ. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Tiền mặt	1.592.486.248	1.180.964.854
Tiền gửi ngân hàng	3.236.121.463	992.228.383
TỔNG CỘNG	4.828.607.711	2.173.193.237

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc sáu (6) tháng và được hưởng lãi suất thị trường.

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Giao thông trực thuộc Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	25.822.471.462	31.285.322.925
Công ty TNHH TMDV và Xây dựng Thiên Vũ	4.156.467.024	4.356.467.024
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông	1.423.236.269	1.423.236.269
Khác	1.445.045.000	1.516.035.000
TỔNG CỘNG	32.847.219.755	38.581.061.218
Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 6.3)	(1.423.236.269)	(1.423.236.269)
GIÁ TRỊ THUẦN	31.423.983.486	37.157.824.949

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Trả trước cho bên khác	12.652.400.989	1.247.843.860
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phước Tường Vinh	7.223.913.916	-
- Công ty TNHH Đầu tư VTCO	1.972.536.818	-
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist	1.359.731.100	-
- Khác	2.096.219.155	1.247.843.860
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 21)	501.799.770	-
TỔNG CỘNG	13.154.200.759	1.247.843.860

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.3 Nợ xấu

						VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2026			Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng						
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông						
1.423.236.269	(1.423.236.269)	-	1.423.236.269	(1.423.236.269)	-	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc – B.O.T (*)	Nhà cửa và vật kiến trúc - Khác	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
						VND
Nguyên giá:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	2.528.420.152.467	17.350.000.702	18.038.821.484	11.252.540.197	2.871.917.799	2.577.933.432.649
Mua trong kỳ	-	-	48.000.000	1.250.000.000	-	1.298.000.000
Ngày 30 tháng 6 năm 2026	2.528.420.152.467	17.350.000.702	18.086.821.484	12.502.540.197	2.871.917.799	2.579.231.432.649
Trong đó:						
Đã khấu hao lũy kế:	778.992.059.854	4.571.887.885	8.949.404.784	8.153.424.181	1.644.591.769	802.311.368.473
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	(1.555.058.758.091)	(5.932.640.475)	(14.877.157.361)	(10.129.206.332)	(2.438.615.382)	(1.588.436.377.641)
Khấu hao trong kỳ	(51.797.243.591)	(784.150.092)	(1.156.539.373)	(216.961.866)	(90.877.578)	(54.045.772.500)
Ngày 30 tháng 6 năm 2026	(1.606.856.001.682)	(6.716.790.567)	(16.033.696.734)	(10.346.168.198)	(2.529.492.960)	(1.642.482.150.141)
Giá trị còn lại:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	973.361.394.376	11.417.360.227	3.161.664.123	1.123.333.865	433.302.417	989.497.055.008
Ngày 30 tháng 6 năm 2026	921.564.150.785	10.633.210.135	2.053.124.750	2.156.371.999	342.424.839	936.749.282.508

(*) Quyền thu phí giao thông trên toàn bộ Quốc lộ 1 đoạn An Suông – An Lạc (Km 1901-1915) và các quyền, lợi ích khác phát sinh gắn liền với công trình B.O.T đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 11).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Công ty Cổ phần Công nghệ Biển bạc Miền Nam	1.025.206.891	969.352.605
Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	694.232.117	721.937.633
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế		
Công trình Quỹ Đạo	645.208.653	645.208.653
Khác	1.082.882.940	10.640.377.674
TỔNG CỘNG	3.447.530.601	12.976.876.565

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Tăng	Giảm	Ngày 30 tháng 6 năm 2026
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.738.899.923	21.031.338.917	(48.845.402.218)	20.924.836.622
Thuế giá trị gia tăng	531.566.757	19.484.885.955	(17.347.983.235)	2.668.469.477
Thuế thu nhập cá nhân	86.066.800	1.136.467.003	(377.535.877)	844.997.926
TỔNG CỘNG	49.356.533.480	41.652.691.875	(66.570.921.330)	24.438.304.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phí dịch vụ mua ngoài	22.550.415.431	255.434.000
Chi phí lãi vay	325.298.390	475.833.606
TỔNG CỘNG	22.875.713.821	731.267.606

11. VAY

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Trả trong kỳ	Phân loại lại	Ngày 30 tháng 6 năm 2026
Ngắn hạn				
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	104.480.000.000	(52.240.000.000)	32.240.000.000	84.480.000.000
Dài hạn				
Vay ngân hàng	394.340.216.383	-	(32.240.000.000)	362.100.216.383
TỔNG CỘNG	498.820.216.383	(52.240.000.000)	-	446.580.216.383

Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích đầu tư các dự án B.O.T. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	446.580.216.383	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2026 đến ngày 30 tháng 3 năm 2032	Từ 9,5 đến 10	Quyền, lợi ích phát sinh từ việc thu phí giao thông trên toàn bộ Quốc lộ 1 đoạn An Suối – An Lạc (Km 1901-1915) gắn liền với công trình B.O.T
Trong đó:				
Vay dài hạn	362.100.216.383			
Vay dài hạn đến hạn trả	84.480.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Dự phòng phải trả thể hiện các khoản dự phòng phải trả liên quan đến các chi phí sửa chữa công trình BOT, căn cứ vào ước tính của Công ty dựa trên các phụ lục Hợp đồng B.O.T thuộc các hạng mục trên tuyến Quốc lộ 1A đoạn An Sương – An Lạc.

13. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>
Số đầu kỳ	2.278.982.448	1.525.928.624
Trích lập quỹ trong kỳ (Thuyết minh số 14.1)	2.052.000.000	2.669.474.187
Sử dụng quỹ trong kỳ	(1.317.664.645)	(1.706.222.214)
Số cuối kỳ	<u>3.013.317.803</u>	<u>2.489.180.597</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	249.492.000.000	164.586.458.199	90.480.400.596	504.558.858.795
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	96.036.717.153	96.036.717.153
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.669.474.187)	(2.669.474.187)
Cổ tức công bố	-	-	(44.908.560.000)	(44.908.560.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	249.492.000.000	164.586.458.199	138.939.083.562	553.017.541.761
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	249.492.000.000	164.586.458.199	212.330.427.858	626.408.886.057
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	64.176.367.587	64.176.367.587
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(2.052.000.000)	(2.052.000.000)
Cổ tức công bố (*)	-	-	(49.898.400.000)	(49.898.400.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2026	249.492.000.000	164.586.458.199	224.556.395.445	638.634.853.644

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 5 năm 2026, Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ cổ tức 20%/mệnh giá và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi tương ứng với số tiền là 2.052.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	249.492.000.000	249.492.000.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố	49.898.400.000	44.908.560.000
Cổ tức đã trả trong kỳ	49.434.860.800	44.603.066.220

14.3 Cổ phiếu

	Cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Cổ phiếu được phép phát hành	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	24.949.200	24.949.200

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (31 tháng 12 năm 2025: 10.000 VND). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

14.4 Chi tiết vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty IDICO - CTCP	143.457.900.000	57,5	143.457.900.000	57,5
Các cổ đông khác	106.034.100.000	42,5	106.034.100.000	42,5
TỔNG CỘNG	249.492.000.000	100	249.492.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.5 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	64.176.367.587	96.036.717.153
Trừ: quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.313.987.267)	(1.163.132.848)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	62.862.380.320	94.873.584.305
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	24.949.200	24.949.200
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.520	3.803
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.520	3.803

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2025 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026. Khoản điều chỉnh được xác định dựa trên tỷ trọng lợi nhuận sau thuế thực tế của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 so với lợi nhuận sau thuế thực tế của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2026 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 4 năm 2026. Khoản điều chỉnh được xác định dựa trên tỷ trọng lợi nhuận sau thuế thực tế của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 so với lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Công ty không có giao dịch cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

15. DOANH THU

15.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
Doanh thu từ thu cước đường bộ	243.561.738.045	232.562.778.151
Doanh thu từ xây dựng	-	10.514.000.710
TỔNG CỘNG	243.561.738.045	243.076.778.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. DOANH THU (tiếp theo)

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
Lãi tiền gửi	<u>19.423.569.578</u>	<u>11.076.731.111</u>

16. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
Chi phí khấu hao	53.732.264.730	50.873.096.667
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.248.959.919	40.029.121.669
Chi phí dự phòng sửa chữa	24.299.985.098	24.299.985.098
Chi phí nhân viên	11.887.511.304	11.615.724.963
Chi phí khác	<u>4.704.936.702</u>	<u>8.464.801.509</u>
TỔNG CỘNG	<u>137.873.657.753</u>	<u>135.282.729.906</u>

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
Chi phí lãi vay	<u>22.708.262.273</u>	<u>25.662.654.784</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>
Chi phí bán hàng	19.977.414.902	18.308.002.375
Chi phí nhân viên	12.917.494.142	12.686.787.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.591.825.929	5.123.875.006
Chi phí khấu hao	168.329.634	165.666.313
Chi phí khác	299.765.197	331.673.832
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.169.953.911	2.244.165.252
Chi phí nhân viên	615.735.911	786.912.944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	444.089.336	413.165.854
Chi phí khấu hao	145.178.136	147.434.035
Chi phí khác	964.950.528	896.652.419
TỔNG CỘNG	22.147.368.813	20.552.167.627

19. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>
Chi phí khấu hao (<i>Thuyết minh số 7</i>)	54.045.772.500	51.186.197.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.284.875.184	45.566.162.529
Chi phí nhân viên	25.420.741.357	25.089.425.131
Chi phí dự phòng sửa chữa	24.299.985.098	24.299.985.098
Chi phí khác	5.969.652.427	9.693.127.760
TỔNG CỘNG	160.021.026.566	155.834.897.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% của thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
Thuế TNDN hiện hành	21.031.338.917	29.014.676.307
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(4.859.997.020)	(4.859.997.020)
TỔNG CỘNG	16.171.341.897	24.154.679.287

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	80.347.709.484	120.191.396.440
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	16.069.541.897	24.038.279.289
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	101.800.000	116.399.998
Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ	16.171.341.897	24.154.679.287

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm tài chính khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại và các biến động trong kỳ như sau:

					VND
	<i>Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</i>		
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2026</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	
Dự phòng sửa chữa công trình BOT	77.796.435.316	72.936.438.296	4.859.997.020	4.859.997.020	
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	77.796.435.316	72.936.438.296			
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			4.859.997.020	4.859.997.020	

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng Công ty IDICO – CTCP (“IDICO”)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (“IDICO-CONAC”)	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO (“IDICO-INCON”)	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Long An IDICO (“IDICO-LINCO”)	Cùng công ty mẹ
Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị (“HĐQT”)
Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Ông Đỗ Chí Linh	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên Độc lập HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Lê Thùy Trang	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Đức Thành	đến ngày 29 tháng 4 năm 2026 Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 29 tháng 4 năm 2026
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>
IDICO	Cổ tức đã chia	28.691.580.000	25.822.422.000
IDICO-CONAC	Cổ tức đã chia	2.135.200.000	1.921.680.000
IDICO-INCON	Dịch vụ giám sát thi công	-	520.165.361

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

		VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2026</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>			
IDICO-LINCO	Khác	-	50.000.000
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>			
IDICO-INCON	Dịch vụ giám sát thi công	501.799.770	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát được trình bày như sau:

		VND	
Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc			
Ông Nguyễn Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	142.500.000	247.833.333
Ông Lê Quốc Đạt	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	658.550.000	686.283.333
Ông Khương Quốc Bình	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	462.200.000	534.022.222
Ông Đỗ Chí Linh	Thành viên HĐQT	76.500.000	153.722.222
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	76.500.000	153.722.222
Ông Bùi Văn Dân	Phó Giám đốc	401.450.000	483.383.333
Ông Đoàn Văn Hùng	Phó Giám đốc	401.150.000	405.150.000
Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban kiểm soát	71.500.000	116.722.222
Bà Lê Thùy Trang	Thành viên Ban kiểm soát	49.500.000	74.166.667
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 29 tháng 4 năm 2026	34.500.000	74.166.667
Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 29 tháng 4 năm 2026	10.000.000	-
TỔNG CỘNG		2.384.350.000	2.929.172.221

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. PHÂN LOẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO HƯỚNG DẪN CỦA THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 do lần đầu áp dụng (*Thuyết minh số 3.1*) trong kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

	Số đầu kỳ	Trình bày lại	Số đầu kỳ
	(đã được trình bày trước đây)		(được trình bày lại)
			VND

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	520.207.799.454	8.253.057.809	528.460.857.263
Phải thu ngắn hạn khác	9.076.815.823	(8.253.057.809)	823.758.014
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	-	1.103.991.270	1.103.991.270
Phải trả ngắn hạn khác	2.752.199.056	(1.103.991.270)	1.648.207.786

23. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Phê duyệt, ngày 13 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
		
Nguyễn Thị Loan	Nguyễn Trường Vũ	Lê Quốc Đạt



EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2026 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn